TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 06-11-2019.
"V/v Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Tùng

Bà Nguyễn Thị Nhung.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Vũ Đức Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2019/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc *"Ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 20/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐ-PT ngày 21/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1966 – Nơi ĐKHKTT: đường A, Tổ dân phố B, phường C, thị xã D, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Số A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1967 – Nơi ĐKHKTT: đường A, Tổ dân phố B, phường C, thị xã D, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Số A, phường B, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi chung sống với nhau từ 16/10/1991 (âm lịch) chúng tôi tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Về ngày đăng ký kết hôn là ngày 18/12/1992 tại UBND thị trấn B, huyện K (cũ). Tuy nhiên tại bản trích lục kết hôn đề ngày 23/12/1992 là do việc chia tách đơn vị hành chính nên cán bộ hộ tịch trích lục trích lục có khác nhau. Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi sinh sống hạnh hạnh phúc từ khi cưới cho đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là xuất phát từ điều kiện kinh tế gia đình, quan điểm sống không đồng thuận. Năm 2017 tôi đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ để xin giải quyết về vấn đề ly hôn và phân chia tài sản. Sau khi tòa án thụ lý giải quyết, tòa án mời nhiều lần nhưng bà L không đến giải quyết, nên tôi rút đơn về đoàn tụ nhưng sau đó vẫn không hạnh phúc. Và vợ chồng tôi sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với cô Lan.

- Về con chung: Quá trình sống chung, chúng tôi có 2 con chung tên là cháu Nguyễn Đoàn Kim T sinh ngày 23/3/1993 và cháu Nguyễn Đoàn Anh T sinh ngày 21/02/1999. Hiện các con đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Phạm Thị Kim L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi chung sống với nhau từ 16/10/1991 (âm lịch) chúng tôi tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Về ngày đăng ký kết hôn tôi không nhớ cụ thể nhưng là tháng 12/1992 tại UBND thị trấn B, huyện K (cũ). Quá trình chung sống do chồng tôi công tác tại thành phố B từ năm 2014, các con tôi học tập ở Sài Gòn nên năm 2017 tôi nghỉ hưu sớm để vào Sài Gòn chăm sóc cho con tôi. Chúng tôi không sống cùng nhau chứ không ly thân. Tôi xác định hiện nay vẫn còn tình cảm vợ chồng với ông T nên tôi không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình sống chung, chúng tôi có 2 con chung tên là cháu Nguyễn Đoàn Kim T sinh ngày 23/3/1993 và cháu Nguyễn Đoàn Anh T sinh ngày 21/02/1999. Tôi không đồng ý ly hôn nên tôi chưa có ý kiến về nội dung này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không đồng ý ly hôn nên tôi chưa có ý kiến về nội dung này.

Tại bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ông Nguyễn Tấn T được ly hôn với bà Phạm Thị Kim L.

- *Về con chung*: Quá trình sống chung ông bà có 2 con chung là Nguyễn Đoàn Kim T sinh ngày 23/3/1993 và cháu Nguyễn Đoàn Anh T sinh ngày 21/02/1999. Về con chung đã trưởng thành và trên 18 tuổi nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/8/2019, bị đơn bà Phạm Thị Kim L kháng cáo bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST ngày 16/8/2019 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Tấn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của bà L là không có cơ sở. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án Hôn nhân - Gia đình sơ thẩm số: 20/2019/HNGĐ-ST ngày 16/8/2019 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn T, tuy nhiên ngày 23/10/2019 ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 296 BLTTDS Tòa án tiếp tục tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị Kim L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Nguyễn Tấn T và bà Phạm Thị Kim L tự nguyện chung sống với nhau từ 16/10/1991 (âm lịch) và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Tháng 12/1992, ông bà đăng ký hôn kết tại UBND thị trấn B, huyện K (cũ). Trong quá trình chung sống, ông T cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc từ khi cưới cho đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là xuất phát từ điều kiện kinh tế gia đình, quan điểm sống không đồng thuận nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L. Tuy nhiên bà L cho rằng hiện nay vợ chồng bà vẫn còn tình cảm với nhau nên không đồng ý ly hôn với ông T. Xét quan hệ hôn nhân của ông T, bà L, Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của ông T và bà L được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tuy nhiên quá trình sinh sống các bên đã phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến năm 2017 ông T đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ để xin giải quyết về vấn đề ly hôn và phân chia tài sản. Nhưng sau khi tòa án thụ lý giải quyết, tòa án mời nhiều lần nhưng bà L không đến giải quyết, nên đã đình chỉ giải quyết vụ án và vợ chồng ông bà sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Điều này, hoàn toàn phù hợp với những chứng cứ bà L cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm những hình ảnh chứng minh ông T không sống cùng mẹ con bà L và không cùng bà L chăm lo cho gia đình. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, đại diện chính quyền địa phương cũng xác nhận hiện ông bà đã sống ly thân khoảng hai hay ba năm nay. Ông T cũng xác định hiện nay không còn tình cảm vợ chồng với bà L, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là quá trầm trọng nên không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân. Nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông T và cho ông T được ly hôn với bà L là có căn

cứ. Do đó, kháng cáo của bà L là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo bà L không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Kim L. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2019/HNGĐ-ST ngày 16/8/2019 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn T được ly hôn với bà Phạm Thị Kim L.

2. Về án phí:

Bà Phạm Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0000229 mà bà L (bà Hằng nộp thay) đã nộp ngày 04/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tx. Buôn Hồ;
- TAND Tx. Buôn Hồ;
- Chi cục THADS Tx. B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng